

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2006/QĐ-UBND

*Ba Tơ, ngày 13 tháng 11 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn - miền núi  
huyện Ba Tơ, giai đoạn 2006 – 2010**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tổ chức huy động quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính thực hiện chương trình phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 184/2004/QĐ-TTg ngày 22/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2006 – 2010;

Căn cứ Quyết định số 41/2006/QĐ-UBND ngày 02/8/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đề án phát triển GTNT-MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 33 /2006/NQ-HĐND ngày 01/11/2006 của HĐND huyện khoá IX tại kỳ họp thứ 7 (bất thường) thông qua ngày 27/10/2006 về Đề án phát triển giao thông nông thôn - miền núi huyện Ba Tơ, giai đoạn 2006-2010;

Xét đề nghị của phòng Hạ tầng kinh tế huyện Ba Tơ tại Tờ trình số 209/TTr-HTKT ngày 02 tháng 11 năm 2006 về việc xin phê duyệt Đề án phát triển giao thông nông thôn - miền núi huyện Ba Tơ, giai đoạn 2006 – 2010,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Đề án phát triển Giao thông nông thôn - miền núi huyện Ba Tơ, giai đoạn 2006 – 2010 với những nội dung chính như sau:

### **1. Mục tiêu**

Huy động nhiều nguồn lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đến năm 2010: Đề nghị Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng mới 3 cầu: Tài Năng, Nước Ren, Sông Liên, nâng cấp đoạn từ cầu Nước Ren đến cầu Sông liên (đường tránh Nam). Mở rộng nền, mặt đường, mở rộng tầm nhìn các đoạn đường cong từ km12+800 – km57 của Quốc lộ 24 trên địa bàn huyện Ba Tơ; nhựa hóa 100% bằng 26,4 km các tuyến đường tỉnh; nhựa hóa, cứng hóa: 70% bằng 75,7 km các tuyến đường huyện, 100% bằng 4,4 km các tuyến đường nội thị và TTCX, 57% bằng 117,3 km các tuyến đường xã, trong đó: 20% bằng 23,5 km các tuyến đường thôn được bê tông xi măng, tập trung cho các xã ở vùng cao, vùng xa; 100% bằng 281,8 km các công trình thoát nước của các tuyến đường huyện, đường xã hiện có được bê tông cốt thép. Mở mới một số tuyến đường huyện, đường xã và đường từ xã đến thôn, phấn đấu đạt 100% số thôn có đường ô tô. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đô thị khi đã có quy hoạch chung toàn huyện và quy hoạch chi tiết thị trấn Ba Tơ.

## 2. Chỉ tiêu phát triển mạng lưới GTNT-MN giai đoạn 2006 – 2010

T T	Loại đường	Chỉ tiêu (km)					Tổng cộng
		2006	2007	2008	2009	2010	
<b>A</b>	<b>Đường huyện, nội thị, TTCX:</b>						
1	<i>Mở mới:</i> Cấp đường thiết kế: đường cấp V, theo TCVN 4054-98	-	13	33	-	-	<b>46</b>
2	<i>Nâng cấp:</i> Cấp đường thiết kế: đường cấp IV, theo TCVN 4054-98	-	0,2	-	-	16	<b>16,2</b>
3	<i>Nâng cấp:</i> Kết cấu mặt đường: BTnhựa, TN nhựa, láng nhựa, BTXM	-	20,0	2,1	13,8	39,8	<b>75,7</b>
<b>B</b>	<b>Đường xã, thôn:</b>						
1	<i>Mở mới:</i> Cấp đường thiết kế: đường GTNT loại A,B theo TCN 210-92	-	18	21	11	5,1	<b>55,1</b>
2	<i>Nâng cấp:</i> Cấp đường thiết kế: đường GTNT loại A,B theo TCN 210-92	-	15,2	14,8	19,1	16,8	<b>65,9</b>
3	<i>Nâng cấp:</i> Kết cấu mặt đường: Thâm nhập nhựa, BTXM.	9,3	20,4	34,2	28,2	25,1	<b>117,3</b>

Mở mới, nâng cấp các tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn phải được thực hiện đúng các tiêu chuẩn về quy mô kỹ thuật, kinh phí đầu tư và phải được chuẩn xác trong quá

trình khảo sát thiết kế, lập và phê duyệt dự án. Các tuyến đường xã, đường thôn dự kiến mở mới 55,1 km phải được cụ thể đến các tuyến cho từng xã vào kế hoạch hàng năm.

### **3. Giải pháp về vốn đầu tư**

Căn cứ Nghị quyết số 42/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của HĐND tỉnh khoá X tại kỳ họp thứ 9 về việc thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010.

Căn cứ vào mục tiêu, chỉ tiêu và nhu cầu vốn đầu tư phát triển GTNT-MN của huyện đến năm 2010 và kết quả thực hiện đề án phát triển GTNT-MN của huyện giai đoạn 2002 – 2005.

#### **a) Cơ chế vốn đầu tư:**

- Đối với đường huyện, đường nội thị, TTCX: Vốn trái phiếu Chính phủ, vốn các chương trình, mục tiêu, vốn ngân sách tỉnh bố trí 90%; Ngân sách huyện và các nguồn huy động khác 10%.

- Đối với đường xã: Vốn các chương trình dự án, vốn ngân sách tỉnh bố trí 80%; Ngân sách huyện và ngân sách xã 10% (Trong đó: huyện 5%, xã 5%); nhân dân đóng góp 10%.

- Đối với đường thôn: Do xã, thị trấn và nhân dân huy động các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện.

#### **b) Đối tượng và mức huy động vốn:**

1) Đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn (kể cả nhà nước và tư nhân) mức huy động như sau:

- Doanh nghiệp hoạt động công ích: 1.000.000 đồng/năm.
- Doanh nghiệp có doanh thu dưới 500 triệu đồng: 2.000.000 đồng/năm.
- Doanh nghiệp có doanh thu từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm.
- Doanh nghiệp có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên: 5.000.000 đồng/năm.

2) Đối với chủ phương tiện cơ giới :

+ Xe mô tô, xe máy các loại (kể cả nhà nước và tư nhân) mức huy động 20.000 đồng/xe/năm.

+ Xe ô tô vận tải các loại (kể cả nhà nước và tư nhân) mức huy động như sau:

- Xe ô tô con của các Cơ quan nhà nước: 100.000 đồng/xe/năm.
- Xe ô tô từ 04 - 09 chỗ ngồi và có trọng tải dưới 2,5 tấn: 200.000 đồng/xe/năm.
- Xe ô tô từ 12 - 24 chỗ ngồi và có trọng tải từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn: 300.000 đồng/xe/năm.
- Xe ô tô từ 24 chỗ ngồi trở lên và có trọng tải trên 5 tấn: 500.000 đồng/xe/năm.

3) Huy động mức đóng góp của nhân dân (10%) bằng tiền hoặc huy động ngày công lao động trực tiếp và đóng góp vật liệu xây dựng trên hiện trường (quy ra tiền – theo giá trị vật liệu và giá trị ngày công lao động phổ thông tại địa phương).

Huy động đóng góp trực tiếp của nhân dân, huy động ngày công lao động xã hội và các hình thức huy động khác phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương nhằm đảm bảo tỷ lệ đóng góp, được nhân dân vùng hưởng lợi đồng tình. Việc tổ chức thực hiện phải tuân theo đúng pháp luật hiện hành và đúng qui chế dân chủ ở cơ sở.

**c) Giải pháp huy động các nguồn lực:**

Đề tạo nguồn thu bổ sung vào ngân sách của huyện: 10% đầu tư cho đường huyện, 5% đầu tư cho đường xã và 5% bổ sung vào ngân sách của xã, thị trấn để đầu tư cho công trình thực hiện đề án phát triển GTNT-MN của huyện giai đoạn 2006 – 2010, giải pháp huy động như sau:

+ UBND huyện giao cho UBND xã, thị trấn tổ chức huy động và trực tiếp thu trên địa bàn với mức huy động: *10% đóng góp của nhân dân* và đối với chủ phương tiện: *xe mô tô, xe máy và ô tô vận tải các loại của tư nhân.*

- Ban QL dự án GTNT-MN xã, thị trấn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức huy động.

- Đối với đường thôn, đường nội bộ tổ dân phố do cộng đồng khu dân cư trên địa bàn cử người đại diện vận động để thực hiện.

Khi đã huy động đủ nguồn lực cho công trình thì UBND xã, thị trấn nộp ngay vào Kho bạc Nhà nước huyện và báo cáo UBND huyện bố trí nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh, ngân sách huyện để triển khai thi công.

UBND xã, thị trấn hướng dẫn quy chế tổ chức huy động quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng GTNT-MN và thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân.

+ UBND huyện giao cho phòng Tài chính - kế hoạch huyện trực tiếp thu, với mức huy động: *đóng góp của các doanh nghiệp trên địa bàn* và đối với chủ phương tiện: *Xe mô tô, xe máy, xe ô tô vận tải các loại của nhà nước và của các Doanh nghiệp (cả nhà nước và tư nhân).*

**4. Nhu cầu vốn đầu tư 5 năm: ( giai đoạn 2006-2010)**

**a) Tổng vốn đầu tư :**

350.450 triệu đồng.

Trong đó:

- *Đường huyện, nội thị và TTCX:*

*170.420 triệu đồng*

Gồm: + Mở mới 04 tuyến: 46 km; Vốn đầu tư: 101.200 triệu đồng

+ Nâng cấp 02 tuyến: 16,2 km; Vốn đầu tư: 9.650 triệu đồng

- + TN Nhựa 07 tuyến: 72,4 km; Vốn đầu tư: 57.920 triệu đồng  
 + BTXM 03 tuyến: 3,3 km; Vốn đầu tư: 1.650 triệu đồng

- **Đường xã, Thôn** :

**180.030 triệu đồng**

- Gồm: + Mở mới 25 tuyến: 55,1 km; Vốn đầu tư: 99.180 triệu đồng  
 + Nâng cấp 21 tuyến: 65,9 km; Vốn đầu tư: 16.475 triệu đồng  
 + TN Nhựa 4 tuyến: 19,2 km; Vốn đầu tư: 15.360 triệu đồng  
 + BTXM 54 tuyến: 98,0 km; Vốn đầu tư: 49.015 triệu đồng

**b) Cơ cấu vốn đầu tư: 350.450 Triệu đồng** Trong đó:

- **Đầu tư đường huyện, Nội thị và TTCX:** 170.420 triệu đồng

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: 100.300 triệu đồng

+ Ngân sách tỉnh, các chương trình, dự án: 53.078 triệu đồng

+ Ngân sách huyện và nguồn khác: (10%) 17.042 triệu đồng

- **Đầu tư đường xã, thôn:** 180.030 triệu đồng

+ Vốn các chương trình dự án, trái phiếu CP: 100.000 triệu đồng

+ Vốn ngân sách tỉnh: 44.024 triệu đồng

+ N.sách huyện, xã và nhân dân đóng góp: (20%) 36.006 triệu đồng

Trong đó: *Ngân sách huyện (5%):* 9.001,5 triệu đồng

*Ngân sách xã (5%)* 9.001,5 triệu đồng

*Nhân dân đóng góp (10%)* 18.003,0 triệu đồng

**c- Bảng tổng hợp phân kỳ đầu tư giai đoạn 2006-2010:**

TT	Loại đường	Km	Phân kỳ (triệu đồng)					Tổng vốn đầu tư
			2006	2007	2008	2009	2010	
	<b>Tổng vốn:</b>	<b>376</b>	<b>4.650</b>	<b>90.810</b>	<b>136.870</b>	<b>49.295</b>	<b>68.825</b>	<b>350.450</b>
1	Mở mới 29 tuyến	101,1	-	61.000	110.400	19.800	9.180	200.380
2	Nâng cấp 23 tuyến	82,1	-	3.850	3.700	4.775	13.800	26.125
3	TN Nhựa 11 tuyến	91,6	-	15.360	12.320	9.920	35.680	73.280
4	BTXM 57 tuyến	101,3	4.650	10.600	10.450	14.800	10.165	50.665

Việc mở mới 29 tuyến 101,1 km, khái toán 200.380 triệu đồng, nếu được nhà nước đầu tư, UBND huyện sẽ triển khai thực hiện.

Trong đề án này, UBND huyện tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc nâng cấp, thâm nhập nhựa, bê tông xi măng, hoàn chỉnh các công trình thoát nước cho 91 tuyến với 274,9 km của các tuyến đường huyện, đường xã, đường thôn hiện có, tổng vốn đầu tư: 150.070 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh, chương trình, mục tiêu: 126.978 triệu đồng; Ngân sách huyện, ngân sách xã, huy động nhân dân và các nguồn khác: 23.092 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách huyện: 10.964,5 triệu đồng, Ngân sách xã: 4.042,5 triệu đồng, nhân dân đóng góp: 8.085 triệu đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện giao nhiệm vụ cho Trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn như sau:

- Phòng Hạ tầng kinh tế căn cứ vào quy chế quản lý thực hiện chương trình bê tông hoá đường xã thuộc Đề án phát triển GTNT-MN đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành tại Quyết định số 63/2006/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 và thiết kế mẫu dự toán mẫu mặt đường BTXM giai đoạn 2006-2010 của Sở GTVT tỉnh Quảng Ngãi và các tiêu chuẩn về quy mô kỹ thuật, kinh phí đầu tư, phải được chuẩn xác trong quá trình khảo sát thiết kế, lập và phê duyệt dự án; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện và báo cáo UBND huyện về tiến độ, kết quả thực hiện đề án. Đối với các tuyến đường huyện, đường xã và các tuyến đường TTCX được mở mới, nâng cấp thì thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng; riêng đường nội bộ trong thôn, xóm, tổ dân phố do cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn quyết định và thực hiện.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND huyện bố trí kế hoạch vốn từ các nguồn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước, vốn đầu tư của ngân sách tỉnh, nguồn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác hàng năm để bảo đảm nguồn vốn hoàn thành mục tiêu đề án.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện việc khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống GTNT-MN để hàng năm xây dựng, đăng ký kế hoạch, phương án huy động vốn về phát triển GTNT- MN, trình UBND huyện phê duyệt và triển khai, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đề án phát triển GTNT - MN trên địa bàn đạt kết quả.

- UBND các xã, thị trấn khi xây dựng kế hoạch cần lồng ghép các chương trình, dự án với chương trình GTNT - MN để mỗi công trình sau khi đầu tư sẽ phát huy đồng bộ, mang lại hiệu quả kinh tế. Các địa phương cần có cơ chế linh hoạt, phù hợp với từng vùng để tăng cường nguồn lực trong nhân dân, trong các thành phần kinh tế để tham gia đầu tư phát triển GTNT - MN.

- UBND các xã, thị trấn thành lập đội, tổ duy tu, bảo dưỡng để thực hiện việc duy tu, sửa chữa thường xuyên các tuyến đường do xã, thị trấn quản lý.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Chỉ thị, Nghị quyết của Huyện ủy, Nghị quyết HĐND huyện và Quyết định của UBND huyện về công tác phát triển GTNT-MN giai đoạn 2006-2010. Tạo sự nhận thức đầy đủ trong các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội, và nhân dân để từ đó mọi người thấy được trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của mình chủ động tham gia đóng góp công sức, tiền của cho công tác phát triển giao thông nông thôn, không trông chờ, ỷ lại vào nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường trên địa bàn theo cấp quản lý. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo các cấp; thi đua, động viên, khen thưởng kịp thời cho ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào phát triển GTNT-MN.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các hội đoàn thể tích cực phối hợp, vận động nhân dân hưởng ứng thực hiện đề án, với phương châm: “ *Nhà nước và nhân dân cùng làm* ” và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức và toàn dân tham gia thực hiện đề án đạt kết quả cao.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các Phòng ban: Hạ tầng kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ - LĐTB và XH, Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Giám đốc BQL các DĐT và XD, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký ./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Trần Trung Chính**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2006/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2006

## NGHỊ QUYẾT

### Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

### KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 4336/QĐ-UB ngày 29/12/1998 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố), tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 1997 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Quảng Ngãi lần thứ XIII nhiệm kỳ 2005 - 2010;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình và báo cáo của UBND thành phố về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2001 – 2005 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND thành phố,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Tán thành báo cáo của UBND thành phố về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2001 – 2005 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010.

**Điều 2.** Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010:

### I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Nắm vững và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền; tập trung xây dựng bộ máy chính quyền nhà nước trong sạch vững mạnh; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân để khai thác tốt các nguồn lực nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế - xã hội của thành phố, tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại II vào năm 2010. Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội; gắn phát triển kinh tế, văn hoá với bảo vệ tài